

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên môi trường;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 10425/UBND-CN ngày 14/9/2016 của UBND tỉnh về việc chủ trương cho Công ty TNHH Quân Sơn lập hồ sơ cấp phép thăm dò đá bazan dạng tảng lẫn làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc;

Xét Đơn và hồ sơ của Công ty TNHH Quân Sơn (nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường) đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản đá bazan dạng tảng lẫn làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 1247/STNMT-TNKS ngày 21 tháng 11 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Quân Sơn được thăm dò khoáng sản đá bazan dạng tảng lẫn làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung cơ bản sau:

- Diện tích khu vực thăm dò: 33.000 m²; trong đó, diện tích khu vực 1 là 30.098 m² được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4, 5 và 6; diện tích khu vực 2 là 2.902 m² được giới hạn bởi các điểm góc 7, 8, 9, 10 và 11 có tọa độ xác định trên Bản đồ kèm theo;

- Thời hạn thăm dò: 02 tháng, kể từ ngày ký Giấy phép;

- Khối lượng thăm dò: Theo đề án được chấp thuận;

- Chi phí thăm dò: Bằng nguồn vốn của đơn vị (đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của nhà nước).

- Lệ phí giấy phép: 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*).

Điều 2. Công ty TNHH Quân Sơn có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành; thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của nhà nước.

2. Thực hiện thăm dò đá bazan dạng tảng lẫn làm vật liệu xây dựng thông thường theo phương pháp và khối lượng đã quy định tại Điều 1 của Giấy phép, Đề án đã được UBND tỉnh chấp thuận này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường, an toàn vật liệu nổ (*trường hợp thăm dò khoáng sản có sử dụng vật liệu nổ*); thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

3. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản; nghiêm cấm mọi hoạt động khai thác trong quá trình thăm dò; nếu phát hiện các khoáng sản khác, phải kịp thời có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý theo quy định.

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng đá bazan dạng tảng lẫn làm vật liệu xây dựng thông thường cho mục đích sử dụng. Trước khi tiến hành lấy mẫu công nghệ, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

6. Trình thẩm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò tại Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản của UBND tỉnh và nộp báo cáo theo quy định của pháp luật về khoáng sản; nộp báo cáo vào lưu trữ Địa chất theo quy định hiện hành.

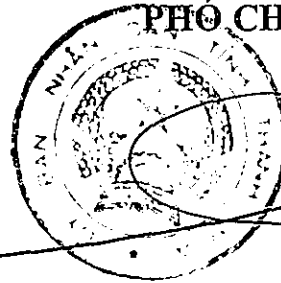
Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép này, Công ty TNHH Quân Sơn chỉ được phép thực hiện sau khi thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường và chính quyền địa phương để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Công ty TNHH Quân Sơn;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (05b);
- UBND huyện Ngọc Lặc;
- UBND xã Thạch Lập;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Giấy phép thăm dò khoáng sản này được đăng ký
nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa

Số đăng ký: ĐK/TD

Thanh Hóa, ngày..... tháng..... năm 2016

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Châu



Phụ lục số 01

**TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ MỎ ĐÁ BAZAN DẠNG TẢNG LẤN LÀM
VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI XÃ THẠCH LẬP,
HUYỆN NGỌC LẠC, TỈNH THANH HÓA**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép thăm dò số : 438 /GP-UBND
ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
Khu vực 1 30.098 m ²	1	2230 059.29	539 061.46
	2	2230 117.19	539 100.00
	3	2230 113.01	539 146.00
	4	2230 224.59	539 178.49
	5	2230 265.00	539 983.00
	6	2230 066.00	539 970.00
Khu vực 2 2.902 m ²	7	2229 627.84	538 815.67
	8	2229 636.37	538 795.21
	9	2229 645.00	538 742.00
	10	2229 624.00	538 694.00
	11	2229 601.36	538 798.65
Diện tích: 33.000 m²			



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Phụ lục số 3

KHỐI LƯỢNG CÁC HẠNG MỤC CÔNG TÁC THĂM DÒ CHỦ YẾU

(Phụ lục kèm theo Giấy phép thăm dò số : 438 /GP-UBND
ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Đánh giá khoáng sản tỷ lệ 1/2000	ha	3,3	
2	Lưới đường chuyên đá giác I	km	12,4	
3	Lưới khống chế độ cao	km	12,4	
4	Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000	ha	4,25	
5	Định tuyến công trình	km	0,35	
6	Đo vẽ mặt cắt tính trữ lượng	km	0,736	
7	Thu đo công trình	điểm	16	
8	Thi công hào thăm dò	m ³	1280	
9	Lấy mẫu hóa (mẫu rãnh 5x3 cm)	m	32	
10	Gia công mẫu hoá (0,3-1)kg/mẫu	mẫu	32	
11	Gia công mẫu thạch học	mẫu	2	
12	Phân tích mẫu hóa	mẫu	36	
13	Lấy mẫu cơ lý đá	mẫu	16	
14	Phân tích mẫu cơ lý đá (4 ct)	mẫu	7	
15	Phân tích mẫu cơ lý đá (toàn diện)	mẫu	9	
16	Lấy mẫu cơ lý đá dăm	mẫu	3	Chủ đầu tư thực hiện
17	Gia công mẫu cơ lý đá dăm	mẫu	3	
18	Phân tích mẫu cơ lý đá dăm	mẫu	3	
19	Phân tích mẫu thạch học	mẫu	2	
20	Lập báo cáo tổng kết			
21	Đánh máy			